

BÀI TẬP TOÁN LỚP 3: NHÂN SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (không nhớ)

I. Lý thuyết Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số không nhớ

Ví dụ mẫu:

$$13 \times 3 = ?$$

$$13 \times 3 = 13 + 13 + 13 = 36$$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 13 \\ \times 3 \\ \hline 39 \end{array}$$

■ 3 nhân 3 bằng 9, viết 9
■ 3 nhân 1 bằng 3, viết 3

b) $12 \times 4 = ?$

$$12 \times 4 = 12 + 12 + 12 + 12 = 48$$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 4 \\ \hline 48 \end{array}$$

■ 4 nhân 2 bằng 8, viết 8
■ 4 nhân 1 bằng 4, viết 4

II. Bài tập

Bài 1. Tính:

a) 11×6

b) 22×4

c) 13×2

d) 11×5

e) 33×3

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $13 \times 3 = 3\dots$

b) $2\dots \times 4 = \dots 8$

c) $3\dots \times 2 = \dots 6$

d) $42 \times \dots = \dots 4$

e) $99 \times \dots = 99$

f) $3\dots \times 2 = \dots 8$

Bài 3: Tìm x:

a) $x : 3 = 12$

b) $x : 5 = 20$

c) $x : 4 = 7 + 13$

d) $x : 22 = 22 + 19$

Bài 4. Mỗi thùng dầu chứa 33 lít dầu. Hỏi 3 thùng như thế chứa bao nhiêu lít dầu

Hướng dẫn giải

Bài 1.

a) $11 \times 6 = 66$

b) $22 \times 4 = 88$

c) $13 \times 2 = 26$

d) $11 \times 5 = 55$

e) $33 \times 3 = 99$

Bài 2

a) $13 \times 3 = 39$

b) $22 \times 4 = 88$

c) $33 \times 2 = 66$

d) $42 \times 2 = 84$

e) $99 \times 1 = 99$

f) $34 \times 2 = 68$

Bài 3.

a) $x : 3 = 12$

$x = 12 \times 3$

$x = 36$

b) $x : 5 = 20$

$x = 20 \times 5$

$x = 100$

c) $x : 4 = 7 + 13$

$x : 4 = 20$

$x = 20 \times 4$

$x = 80$

$$d) x : 2 = 22 + 19$$

$$x : 2 = 41$$

$$x = 41 \times 2$$

$$x = 82$$

Bài 4.

Ba thùng chứa số lít dầu là:

$$3 \times 32 = 96 \text{ (lít)}$$

Đ/S: 96 lít